TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 – 7 - 2020

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 504/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985 – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 09/3/2020.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thành N, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

(chị T và anh N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị T và anh N cưới nhau vào năm 2003, hôn nhân do quen biết, hai bên tự nguyện với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2007 cho đến nay.

Nguyên nhân mẫu thuẫn dẫn đến mất hạnh phúc: Chị T trình bày do anh chị thường xuyên bất đồng ý kiến và quan điểm sống khác nhau, chị T cố gắng vun đắp tình cảm nhưng không thành. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị T và anh N có một người con chung tên là Võ Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/01/2006, hiện nay do anh N nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị T yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Võ Thành N.

- Về con chung: Chị T đồng ý giao cháu Võ Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/01/2006 cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh N: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật Tố Tụng dân sự cho anh N, nhưng anh N không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 20/11/2019.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào Trích lục kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Võ Thành N được Ủy ban nhân dân xã S, huyện Tam Bình cấp ngày 20/4/2005 thì chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp.

+ Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Long Hồ cấp ngày 02/3/2006 thì cháu Võ Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/01/2006 là con chung của chị T và anh N.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh N, nhưng anh N không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tống đạt thông báo phiên

họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh N cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn là anh N, nhưng anh N vẫn vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

Ngày 09/3/2020 chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện:*

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị T với anh N là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh N là do anh chị bất đồng ý kiến và quan điểm sống khác nhau; chị T và anh N không quan tâm, chăm sóc với nhau; từ khi ly thân cho đến nay anh chị không tự hàn gắn lại được với nhau. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh N; cho chị T được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị T đồng ý giao cháu Võ Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/01/2006 cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Võ Thành N.

1.2. Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/01/2006 cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ hết vào số tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số No 0012206 ngày 30/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị T không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã S, huyện Tam Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cảnh